

Số: 02 /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 04 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi gia công heo thịt của Hộ gia đình Nguyễn Văn Giang tại xã Tân Thành, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông (quy mô 3.000 con)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh quy định khu vực nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến; chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Krông Nô, Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi gia công heo thịt của hộ gia đình Nguyễn Văn Giang tại xã Tân Thành, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông (quy mô 3.000 con), họp ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi gia công heo thịt của hộ gia đình Nguyễn Văn Giang tại xã Tân Thành, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông (quy mô 3.000 con) đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Công văn số 12/CV-NVG ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hộ gia đình Nguyễn Văn Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 350/TTr-STNMT ngày 28 tháng 12 năm 2022.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi gia công heo thịt, quy mô 3.000 con (*sau đây gọi là dự án*) của hộ gia đình Nguyễn Văn Giang (*sau đây gọi là Chủ dự án*) thực hiện tại xã Tân Thành, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường là một trong các căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án được quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường công khai Quyết định này trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, tích hợp cơ sở dữ liệu về đánh giá tác động môi trường vào cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia; phối hợp với UBND huyện Krông Nô thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Yêu cầu UBND huyện Krông Nô không quy hoạch, không đề xuất quy hoạch khu dân cư và các công trình khác có liên quan xung quanh khu vực triển khai Dự án để đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Krông Nô; Hộ gia đình Nguyễn Văn Giang và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- UBND xã Tân Thành;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, NNTNMT(N).

6



Phụ lục:
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Trang trại chăn nuôi gia công heo thịt (quy mô 3.000 con)
của hộ gia đình Nguyễn Văn Giang
(Kèm theo Quyết định số **02** /QĐ-UBND ngày **04** tháng **01** năm **2023**
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Trang trại chăn nuôi gia công heo thịt (quy mô 3.000 con).
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Tân Thành, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.
- Chủ dự án: Hộ gia đình Nguyễn Văn Giang.

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Văn Giang - Chủ hộ chăn nuôi.

Địa chỉ liên hệ: Xã Tân Thành, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Điện thoại: 0977.452.676

1.2. Phạm vi, quy mô

- Phạm vi: Dự án Trang trại chăn nuôi gia công heo thịt có tổng diện tích đất là 90.893m², tại các thửa đất số 159, 187 và 200 của tờ bản đồ số 21 thuộc xã Tân Thành, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Vị trí tiếp giáp với xung quanh như sau:

- + Phía Bắc : Giáp đất rẫy của người dân.
- + Phía Nam : Giáp đất nông nghiệp của người dân địa phương và khe suối.
- + Phía Đông : Giáp đường hiện trạng và khu năng lượng mặt trời.
- + Phía Tây : Giáp đường giao thông liên xã.

Tọa độ vị trí các điểm mốc giới hạn khu vực dự án, như sau:

| Điểm mốc | Hệ tọa độ VN2000 | | Điểm mốc | Hệ tọa độ VN2000 | |
|----------|------------------|------------|----------|------------------|------------|
| | X | Y | | X | Y |
| M1 | 1.374.942,40 | 423.692,80 | M13 | 1.374.715,99 | 423.961,14 |
| M2 | 1.374.986,79 | 423.828,76 | M14 | 1.374.709,99 | 423.920,41 |
| M3 | 1.375.003,64 | 423.871,94 | M15 | 1.374.713,72 | 423.903,66 |
| M4 | 1.375.033,41 | 423.967,44 | M16 | 1.374.706,31 | 423.853,51 |
| M5 | 1.375.039,65 | 423.990,94 | M17 | 1.374.721,80 | 423.847,26 |
| M6 | 1.375.021,38 | 423.995,68 | M18 | 1.374.739,30 | 423.814,45 |
| M7 | 1.374.943,26 | 424.019,20 | M19 | 1.374.753,24 | 423.793,84 |
| M8 | 1.374.941,56 | 424.019,94 | M20 | 1.374.785,40 | 423.777,68 |
| M9 | 1.374.791,35 | 424.084,53 | M21 | 1.374.792,90 | 423.712,80 |
| M10 | 1.374.758,70 | 424.093,11 | M22 | 1.374.846,46 | 423.700,89 |
| M11 | 1.374.702,90 | 424.004,61 | M23 | 1.374.895,61 | 423.692,39 |
| M12 | 1.374.691,97 | 423.979,45 | | | |

- Quy mô:



Quy mô đàn: 3.000 con heo thịt.

Quy mô diện tích: Tổng diện tích dự án 90.893 m².

Quy hoạch sử dụng đất xây dựng các hạng mục công trình của dự án như sau:

+ Diện tích xây dựng các hạng mục công trình chính: 4.659 m²

+ Diện tích các hạng mục công trình phụ trợ: 2.496 m²

+ Diện tích các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: 7.268m²

+ Diện tích đất trồng cây xanh: 76.470 m².

1.3. Công nghệ sản xuất, vận hành

Công nghệ chăn nuôi áp dụng cho dự án là công nghệ chăn nuôi chuồng kín theo công nghệ chăn nuôi đang áp dụng của Công ty TNHH CJ VINA AGRI, đồng thời thực hiện theo Quy định thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn an toàn tại Việt Nam (VietGAHP) ban hành kèm theo Quyết định số 1506/QĐ-BNN-KHCN ngày 15 tháng 5 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.4. Các hạng mục công trình của dự án

| STT | Các hạng mục công trình | Số lượng | Tổng diện tích (m ²) | Tỉ lệ diện tích (%) |
|-----------|---|----------|----------------------------------|---------------------|
| A | CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CHÍNH | | 4.659 | 5,13 |
| I | Các hạng mục phục vụ chăn nuôi | | 4.509 | 4,96 |
| 1 | Nhà nuôi heo | 3 | 3.825 | 4,21 |
| 2 | Nhà heo tân đảo | 1 | 200 | 0,22 |
| 3 | Kho cám | 3 | 357 | 0,39 |
| 4 | Kho thuốc thú y | 1 | 12 | 0,01 |
| 5 | Kho hóa chất khử trùng | 1 | 12 | 0,01 |
| 6 | Nhà heo cách ly heo bệnh | 1 | 40 | 0,04 |
| 7 | Khu mổ lâm sàng và lấy bệnh phẩm | 1 | 9 | 0,01 |
| 8 | Nhà sát trùng xe | 1 | 50 | 0,06 |
| 9 | Hồ khử trùng trước mỗi dãy chuồng | 4 | 4 | 0,00 |
| II | Các hạng mục phục vụ sinh hoạt | | 150 | 2,06 |
| 1 | Nhà ở công nhân | 1 | 150 | 0,17 |
| B | CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ | | 2.496 | 2,75 |
| 1 | Bể nước 200 m ³ + đài nước chăn nuôi 20 m ³ | 1 | 45 | 0,05 |
| 2 | Đài nước sinh hoạt 6 m ³ | 1 | 6 | 0,01 |
| 3 | Công, hàng rào dài 1216 m | 1 | 608 | 0,67 |
| 4 | Hàng rào cách ly trong trại | 1 | 112 | 0,12 |

| | | | | |
|----------|--|---|---------------|--------------|
| 5 | Nhà để máy phát điện dự phòng | 1 | 9 | 0,01 |
| 6 | Trạm biến áp 160 KVA | 1 | 9 | 0,01 |
| 7 | Sân đường nội bộ | 1 | 1.707 | 1,88 |
| C | CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG | | 83.738 | 92,13 |
| 1 | Kho chứa chất thải nguy hại | 1 | 12 | 0,01 |
| 2 | Nhà tách phân | 1 | 12 | 0,01 |
| 3 | Hố gom phân | 1 | 12 | 0,01 |
| 4 | Nhà chứa phân | 1 | 50 | 0,06 |
| 5 | Hầm biogas | 1 | 800 | 0,88 |
| 6 | Hồ điều hòa | 1 | 400 | 0,44 |
| 7 | Hệ thống xử lý nước thải | 1 | 153 | 0,17 |
| 8 | Hồ sinh học 1 | 1 | 400 | 0,44 |
| 9 | Hồ sinh học 2 | 1 | 600 | 0,66 |
| 10 | Hồ chứa nước sau xử lý 1 | 1 | 2.700 | 2,97 |
| 11 | Hồ chứa nước sau xử lý 2 | 1 | 800 | 0,88 |
| 12 | Hồ dự phòng sự cố | 1 | 600 | 0,66 |
| 13 | Hố hủy xác | 1 | 16 | 0,02 |
| 14 | Lò đốt xác, đốt thừa khí biogas | 1 | 9 | 0,01 |
| 15 | Bể ủ phân có mái che | 1 | 200 | 0,22 |
| 16 | Nhà nuôi trùn quế | 1 | 350 | 0,39 |
| 17 | Hệ thống thu gom nước mưa | 1 | 83 | 0,09 |
| 18 | Hệ thống thu gom nước thải | 1 | 71 | 0,08 |
| 19 | Cây xanh, thảm cỏ | | 76.470 | 84,13 |
| | Tổng cộng | | 90.893 | 100,0 |

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Khu vực dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

| Các giai đoạn của dự án | Các hoạt động của dự án | Các tác động môi trường |
|-------------------------|--|---|
| Thi công xây dựng | Thực hiện các thủ tục pháp lý | Không phát sinh chất thải. |
| | Phát quang, dọn thực bì | - Chất thải rắn từ quá trình phát quang. - Bụi, khí thải, tiếng ồn, rung. |
| | Hoạt động máy móc đào, đào đắp, san gạt mặt bằng | - Bụi, khí thải, tiếng ồn, rung. - Sự cố tai nạn. - Bụi, khí thải, tiếng ồn, rung từ phương tiện. |

| | | |
|---------------------------|--|---|
| | Tập kết máy móc, thiết bị nguyên nhiên vật liệu và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án | <p>vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công, từ quá trình thi công xây dựng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề về vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, an toàn lao động; - Nước thải vệ sinh phương tiện thi công; - Chất thải xây dựng; - Chất thải nguy hại. - Nước mưa chảy tràn. |
| | Sinh hoạt của công nhân | <ul style="list-style-type: none"> - Nước thải sinh hoạt. - Chất thải rắn sinh hoạt. - Chất thải nguy hại. |
| Giai đoạn vận hành | Hoạt động giao thông, vận chuyển | <ul style="list-style-type: none"> - Khí thải, bụi, tiếng ồn, từ phương tiện giao thông, vận chuyển. - Sự cố tai nạn. |
| | Hoạt động chăn nuôi, kinh doanh | <ul style="list-style-type: none"> - Chất thải rắn chăn nuôi thông thường: Phân heo, bùn sau quá trình phân hủy kỵ khí tại hầm biogas. - Chất thải nguy hại: Tiêm phòng, chăm sóc thú y; heo chết do bị bệnh; bao bì chứa hóa chất xử lý môi trường; chất thải nguy hại dạng lỏng (dầu nhớt thải). - Bụi, khí thải, mùi hôi: Mùi hôi từ hoạt động chăn nuôi; khí sinh học từ hầm biogas. - Nước thải từ hoạt động chăn nuôi heo (Nước tiểu, nước tắm heo, vệ sinh chuồng trại, nước phun sương khử mùi, ...). - Tiếng ồn: Tiếng heo kêu, hoạt động của phương tiện, máy móc thiết bị trong trang trại,... - Nước mưa chảy tràn. |
| | Máy phát điện dự phòng | <ul style="list-style-type: none"> - Khí thải, tiếng ồn. |
| | Sinh hoạt của công nhân | <ul style="list-style-type: none"> - Chất thải rắn sinh hoạt. - Chất thải nguy hại từ sinh hoạt của công nhân trang trại. - Nước thải sinh hoạt. |
| | Các nội dung khác | <ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro sự cố môi trường. - Tác động từ khai thác và sử dụng nước ngầm. - Tác động đến hệ sinh thái tại khu vực dự án. - Tác động đến hạ tầng giao thông tại khu vực dự án. - Tác động đến kinh tế - xã hội. |

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư.

3.1. Nước thải, khí thải

a) Phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng

- Nước mưa chảy tràn trên khu đất thực hiện dự án (ước tính lượng nước chảy tràn lớn nhất): Ước tính khoảng 220,93 m³/ngày

- Nước thải sinh hoạt (phát sinh từ công nhân, nhân viên tham gia thi công xây dựng của dự án): Khoảng 7,5 m³/ngày đêm.

- Nước thải xây dựng (phát sinh từ hoạt động trộn bê tông, vệ sinh,...): Phát sinh không thường xuyên, ước tính khoảng 0,8 m³/ngày.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động san gạt, đào đắp; vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, thiết bị; thi công các hạng mục công trình của dự án.

b) Phát sinh trong giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn trên khu đất thực hiện dự án (ước tính lượng nước chảy tràn lớn nhất): Ước tính khoảng 156,19 m³/ngày.

- Nước thải sinh hoạt (phát sinh từ công nhân, nhân viên trong trại): Khoảng 1,5 m³/ngày đêm.

- Nước thải từ hoạt động chăn nuôi heo: Tổng lượng nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi khoảng 58,72 m³/ngày đêm.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, khu xử lý nước thải, lò đốt tiêu hủy khí gas từ hầm biogas, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của dự án.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt (thành phần gồm: Các loại rau, củ quả, thức ăn thừa, bao bì, giấy, chai lọ ...): Khoảng 15 kg/ngày.

- Chất thải nguy hại (gồm: Giẻ lau nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, thùng đựng sơn thải bỏ, que hàn ...): Phát sinh không thường xuyên với lượng phát thải khoảng 3 kg/tháng.

b) Phát sinh trong giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt (Thành phần gồm: Các loại rau, củ quả, thức ăn thừa, bao bì, giấy, chai lọ ...): Khoảng 3kg/ngày.

- Chất thải từ hoạt động chăn nuôi:

+ Phân heo phát sinh khoảng 3.225 kg phân/ngày.đêm, trong đó thu tại hồ phân khoảng 2.257 kg còn lại 967,5 kg theo nước thải vào hầm biogas (Tỷ lệ phân thu được sau khi qua máy ép, tách phân khoảng 60-70%).

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Ước tính phát sinh khoảng 6,07 kg/ngày.

+ Heo chết do bị bệnh thông thường, heo con dị tật và nhau thai: Phát sinh không thường xuyên. Ước tính tổng khối lượng khoảng 1,67 – 5 kg/ngày.

+ Tro từ lò đốt xác: Ước tính phát sinh khoảng 0,25 kg/ngày

+ Giấy làm mát tại dàn lạnh trước mỗi dãy chuồng: Bình quân 5 năm thay một lần với khối lượng giấy làm mát sau khi thay phát sinh khoảng 1,03 tấn/lần thay.

- Chất thải nguy hại: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân trang trại ước tính khoảng 5 kg/tháng; từ quá trình tiêm phòng chăm sóc thú y (các bao

bì, chai lọ đựng thuốc thú y, thuốc vắc xin, thuốc sát trùng, ống bơm kim tiêm đã qua sử dụng...) ước tính khoảng từ 0,92 kg/ngày; từ hoạt động bảo dưỡng máy phát điện của dự án (dầu nhớt thải) ước tính khoảng 16 lít/lần thay.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng

Tiếng ồn và độ rung phát sinh không thường xuyên do hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công xây dựng như xe vận tải, máy trộn bê tông, máy đào,....

b) Phát sinh trong giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các máy móc thiết bị như: Máy phát điện, quạt công nghiệp, máy bơm,...

- Tiếng kêu của heo.

- Hoạt động của các phương tiện giao thông vận chuyển thức ăn chăn nuôi hoặc vận chuyển vật nuôi ra vào trang trại.

3.4. Các tác động khác

- Sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông trong quá trình thi công, vận hành dự án.

- Sự cố cháy nổ, rò rỉ nhiên liệu từ máy móc.

- Sự bất cẩn của công nhân quản lý, công nhân vận hành.

- Sự cố do thiên tai, thời tiết; xói mòn, sạt lở đất.

- Sự cố môi trường:

+ Sự cố về rò rỉ hoặc vỡ đường ống cấp, thoát nước thải, sự cố ngưng vận hành các hệ thống xử lý môi trường.

+ Sự cố từ hệ thống hầm biogas, lò đốt.

+ Sự cố từ hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn Việt Nam theo đăng ký.

+ Sự cố hệ thống làm mát, hệ thống xử lý khí thải (quạt hút) không hoạt động.

- Tác động đến khai thác nước ngầm; mùi hôi; sự cố nước thải; tác động đến giao thông, hạ tầng khác; tác động về an ninh, trật tự trong khu vực...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Trong giai đoạn xây dựng

- Công trình thu gom, thoát nước mưa

+ Đào hệ thống mương thoát nước tạm thời trên công trường, có bố trí các hố gas xử lý sơ bộ nước mưa chảy tràn bằng phương pháp lắng cơ học, để hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất đá, vật liệu xây dựng hư hỏng và các tạp chất xuống suối và các khe xung quanh khu vực dự án.

+ Quản lý chất thải xây dựng phát sinh trên công trường theo đúng quy định, không để phát tán dầu nhớt thải vào đất hoặc trôi theo dòng nước mưa chảy tràn.

- Công trình thu gom, xử lý nước thải

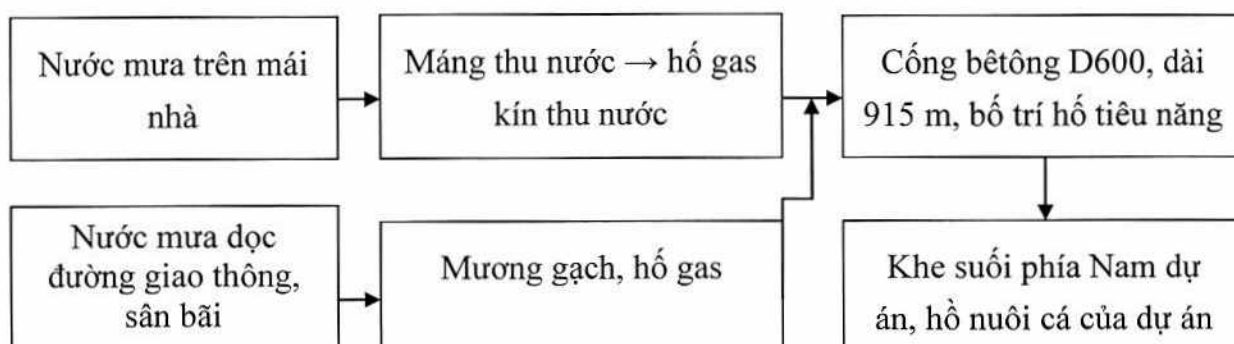
+ Nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà vệ sinh có bể tự hoại cho công nhân sử dụng.

+ Nước thải từ hoạt động thi công xây dựng: Được thu gom về hố lắng trên công trường, sau đó thoát ra rãnh thoát nước mưa khu vực dự án.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng; đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Trong giai đoạn vận hành

* Công trình thu gom, thoát nước mưa: Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa tách biệt với hệ thống thu gom nước thải.



Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý nước mưa của trang trại

- Dự án gồm 2 tuyến thoát nước mưa:

+ Tuyến 1: Nước mưa chảy tràn trên sân đường nội bộ, khu văn phòng được thu gom qua mương gạch kích thước $R \times S = 0,5 \text{ m} \times 0,5 \text{ m}$ nắp đan có đục lỗ để thu nước bề mặt, có bố trí các hố gas lắng cặn kích thước $D \times R \times H = 0,8 \times 0,8 \times 0,8 \text{ (m)}$. Sau đó theo đường cống bê tông cốt thép ly tâm D600 chảy về cuối khu vực chuồng nuôi, tại đây cùng với hệ thống thoát nước mưa trên mái được đầu nối vào các hố gas có kích thước $D \times R \times H = 1,8 \times 2,5 \times 3,0 \text{ (m)}$ và theo đường cống bê tông cốt thép ly tâm D600 thoát ra suối phía nam dự án. Tại cuối trục thoát nước mưa, có bố trí hố tiêu năng kích thước $D \times R \times H = 2 \times 2 \times 1,5 \text{ (m)}$ và song chắn rác trước khi thoát nước mưa ra ngoài.

+ Tuyến 2: Hệ thống thoát nước mưa trên mái được đầu nối vào các hố gas có kích thước $D \times R \times H = 0,8 \times 0,8 \times 0,8 \text{ (m)}$ và theo đường cống bê tông cốt thép ly tâm D600 chảy về phía Nam dự án. Và đầu nối vào tuyến mương gạch kích thước $R \times S = 0,5 \text{ m} \times 0,5 \text{ m}$ nắp đan có đục lỗ để thu nước bề mặt khu phía Nam dãy chuồng nuôi. Sau đó, toàn bộ nước mưa đổ về hố gas có kích thước $D \times R \times H = 1,8 \times 2,5 \times 3,0 \text{ (m)}$ và theo đường cống bê tông cốt thép ly tâm D600 đổ ra hồ cá của chủ dự án (hồ này nằm ngoài phạm vi dự án). Tại hố gas cuối có bố trí song chắn rác trước khi thoát nước mưa ra ngoài.

- Hệ thống mương dẫn, hố gas sẽ được nạo vét định kỳ để loại bỏ rác, cặn lắng và khơi thông dòng chảy.

* Công trình thu gom, xử lý nước thải



- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân của trại chăn nuôi được thu gom và xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn. Sau đó nước thải sẽ được đổ vào hồ lắng để xử lý tiếp cùng nước thải chăn nuôi tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động khử trùng xe và từ các ô khử trùng tại chuồng nuôi: chủ yếu chứa các chất rắn lơ lửng, tuy nhiên do có dư lượng hóa chất khử trùng nên không đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Lượng nước thải này sẽ được xử lý cục bộ bằng bể lắng 2 ngăn (quy cách mỗi ngăn $2 \times 2 \times 1,5$ m) được xây dựng bằng tường gạch dày 20 cm, trát vữa xi măng mác cao chống thấm tại khu vực nhà khử trùng xe. Nước thải sau khi vào ngăn lắng được bổ sung hóa chất khử trùng và bơm tuần hoàn tái sử dụng. Bùn lắng định kỳ đưa về khu vực bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi.

- Nước thải chăn nuôi: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất $80 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (đã tính đến nước lượng nước mưa rơi vào hồ xử lý và hệ số an toàn 1,2). Để đảm bảo xử lý cho lượng nước thải lớn nhất có thể phát sinh ra của trại chăn nuôi, đạt QCVN 62-MT/2016/BTNMT (cột B).

Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý:

+ *Hố tách phân:* Gồm 1 hố ($3 \times 4 \times 2$ m), có tổng thể tích 180 m^3 . Hố đúc bê tông cốt thép, hồ dầu chống thấm, nắp đan bê tông cốt thép, có cửa lấy phân. Bố trí 1 máy tách phân, có công suất $20 \text{ m}^3/\text{h}$. Phân sau khi tách có độ ẩm phù hợp sẽ được đưa vào hầm ủ vi sinh đạt chuẩn đem chế biến thức ăn nuôi giun quế.

+ *Hầm biogas:* Gồm 1 hầm ($20 \times 40 \times 6$ m) có thể tích 4.800 m^3 . Đáy hầm, bờ hầm, mặt hầm phủ bạt HDPE dày 01 mm hàn kín, kê bờ cố định, trồng cây xanh để chống sạt lở. Nước thải từ các hố tách phân được chảy qua song chắn rác để vào các hầm biogas. Nước thải sau khi vào hầm biogas được xử lý theo phương pháp kỵ khí với thời gian lưu nước trên 45 ngày. Cặn dư từ hầm biogas định kỳ được hút và đem ủ phân để bón cho cây trồng trong dự án.

+ *Hồ điều hòa:* Gồm 1 hồ ($20 \times 20 \times 5$ m) có thể tích 2.000 m^3 . Đáy hồ, bờ đắp phủ bạt HDPE dày 1mm hàn kín, kê bờ cố định, trồng cây xanh để chống sạt lở. Nước thải từ hầm biogas sẽ được thu gom vào hồ điều hòa để tiếp tục xử lý. Nước thải sau khi vào hồ điều hòa có nhiệm vụ ổn định lưu lượng và điều hòa nồng độ cho quá trình xử lý, đồng thời lắng một phần cặn có trọng lượng lớn.

+ *Trạm xử lý nước tập trung:* Nước thải sau khi được xử lý tại hồ điều hòa sẽ được dẫn sang trạm xử lý nước tập trung. Tổng diện tích khoảng: 153 m^2 ; Công suất $80 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Gồm các bể bán chìm (sâu 4,5 m) bê tông cốt thép, có phủ lớp chống thấm để xử lý nước thải sau khi hồ điều hòa của trang trại bằng công nghệ sinh học và hóa lý kết hợp: Bể trộn vôi - ($0,7 \times 1,0 \times 4,5$ m) Thời gian lưu nước khoảng 45 phút → Bể thổi khí - ($2,2 \times 3,7 \times 4,5$ m) Thời gian lưu nước khoảng 8 giờ → Bể trộn HCL - ($0,7 \times 1 \times 4,5$ m) Thời gian lưu nước khoảng 45 phút → Bể trộn PAC - ($0,7 \times 1 \times 4,5$ m) Thời gian lưu nước khoảng 45 phút → Bể lắng 1 - ($2,8 \times 2,8 \times 4,5$ m) Thời gian lưu nước khoảng 8 giờ → Bể sinh học thiếu khí Anoxic - ($2,8 \times 8 \times 4,5$ m) Thời gian lưu nước khoảng 24 giờ → Bể sinh học hiếu khí Aerotank - ($3,9 \times 11 \times 4,5$ m) Thời gian lưu nước khoảng 46 giờ → Bể lắng 2 - ($3,3 \times 3,3 \times 4,5$ m) Thời gian lưu nước khoảng 10 giờ → Bể keo tụ - ($0,8 \times 1,3 \times 4,5$ m) Thời gian lưu nước khoảng 1 giờ → Bể tạo bông - ($0,8 \times 1,3 \times 4,5$ m) Thời gian lưu nước khoảng 1 giờ → Bể lắng 3 - ($2,8 \times 2,8 \times 4,5$ m) Thời gian lưu

nước khoảng 8 giờ → Bể khử trùng - (0,8 x 2,8 x 4,5 m) Thời gian lưu nước khoảng 1,5 giờ → Bể chứa bùn - (1,8 x 2,8 x 4,5 m).

+ *Hồ sinh học*: gồm 3 hồ, hồ sinh học 1 (20x20x5 m) và hồ sinh học 2 (20x30x3,5 m). Đáy hồ, bờ hồ lót bạt HDPE dày 0,75 mm. Xử lý hàm lượng N, P và BOD₅ còn lại bằng khả năng tự làm sạch tự nhiên, làm thoáng bề mặt và hệ sinh vật thủy sinh (bèo...), thời gian lưu nước tại các hồ lắng khoảng 15 ngày.

+ Hồ chứa nước thải sau xử lý: Gồm 2 hồ, kích thước hồ 1: 20 m x 40 m x 3,5 m; kích thước hồ 2: 45 m x 60 m x 3,5 m. Đáy hồ, bờ hồ lót bạt HDPE dày 0,75 mm. Nước thải sau khi qua hồ lắng đạt QCVN 62:MT/2016/BTNMT cột B sẽ được dẫn vào hồ chứa nước sau xử lý. Thời gian lưu nước tại hồ khoảng 173 ngày, nước tại đây một phần được bơm tưới cây vào mùa khô.

+ *Hồ dự phòng*: Gồm 1 hồ (20x30x5 m) thể tích hữu ích khoảng 2.700 m³ thời gian lưu nước 22 ngày. Đáy hồ, bờ hồ lót bạt HDPE dày 0,75 mm. Khi các hồ trong hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố thì nước thải được bơm sang hồ dự phòng để lưu trữ, tránh phát thải ra môi trường. Sau khi sự cố được khắc phục thì nước thải được bơm trở lại để xử lý tiếp cho đạt chuẩn trước khi đổ vào hồ chứa nước thải sau xử lý.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng

Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển là các nguồn không liên tục, phân tán, không thể tập trung để thu gom xử lý nên phần này chỉ đề xuất biện pháp chung góp phần tạo môi trường không khí trong khu vực thi công dự án trong lành hơn, như:

- Quy định các phương tiện vận chuyển chở đúng tải trọng quy định, chạy đúng tốc độ quy định, đều có bạt che kín thùng xe.

- Tất cả các phương tiện vận chuyển sử dụng cho hoạt động vận chuyển của trang trại phải được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu về mặt môi trường.

- Khi thời tiết khô hanh sẽ phun nước để giữ ẩm cho khu vực thi công, các bãi chứa vật liệu đá, cát và đường vận chuyển nội bộ.

- Bố trí công nhân thu dọn đất đá, vật liệu xây dựng rơi vãi tại công và đoạn đường trước công trường vào cuối ngày.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Khí thải và mùi hôi từ khu vực nhà nuôi heo: Các khu chuồng nuôi phải được bố trí hệ thống làm mát và thông gió tốt. Chuồng nuôi phải thiết kế kín gió, phía đầu chuồng bố trí hệ thống tấm cooling làm mát, tại mỗi chuồng phải lắp đặt 8 quạt 50 inch, tạo áp suất âm trong chuồng. Để tăng hiệu quả xử lý mùi hôi sau mỗi quạt hút của Trang trại phải bố trí chụp hút để thu gom khí phát sinh từ chuồng nuôi, chủ yếu là H₂S và NH₃. Các chụp hút được nối với hệ thống ống dẫn, khí thải chứa mùi theo hệ thống đường ống dẫn vào ống thải và trong ống thải phải bố trí các lớp than hoạt tính để hấp phụ khí hạn chế gây mùi hôi.

- Khí thải phát sinh từ hầm biogas: Đầu tư 01 hệ thống thu gom, phân phối khí gas đồng bộ và hiện đại. Sử dụng ống nhựa bình minh D60 để thu gom và dẫn khí về lò đốt xác, thiết bị đốt khí biogas thừa và dẫn về làm nhiên liệu đốt cho bếp ăn tập thể.

- Mùi hôi từ hoạt động thu gom, xử lý nước thải, chất thải:

+ Đối với hệ thống mương thu nước thải ngoài chuồng sẽ có nắp đan đậy kín, thường xuyên khơi thông tránh ứ đọng phân và nước thải.

+ Đối với nhà chứa phân: Phân đã được ủ nên mùi không nhiều, sử dụng bao chứa phân gồm hai lớp, lớp bên trong là bao nilon để hạn chế mùi trong quá trình lưu chứa tại nhà để phân.

+ Đối với nước thải: Chủ dự án lựa chọn phương pháp xử lý nước thải bằng hầm biogas sẽ hạn chế đáng kể mùi hôi phát sinh từ quá trình phân hủy kỵ khí của nước thải. Khí gas phát sinh từ hầm biogas sẽ được thu gom và sử dụng làm nhiên liệu nấu ăn, vận hành lò đốt gas thừa. Nước thải sau biogas sẽ được xử lý bằng phương pháp sinh học hiếu khí nên cũng hạn chế phát sinh các khí thải gây mùi như H_2S , NH_3 ,...

+ Khí thải và mùi hôi của nhà để phân, nhà để rác, nhà ủ sơ chế phân để xử lý, nhà đặt máy xay xác, lò đốt, khu khám lâm sàng và mô bệnh phẩm,... đều được phun sương khử khuẩn, nước thải tại đây được thu gom về hệ thống xử lý chung để hạn chế phát sinh mùi.

Trồng cây xanh, đảm bảo diện tích 84,13% và thảm cỏ bao quanh khuôn viên của trang trại nhằm tạo vùng cách ly xanh với bên ngoài, đồng thời, hàng ngày bổ sung chế phẩm sinh học vào nước thải để xử lý và giảm thiểu mùi hôi. Ngoài ra trang trại còn sử dụng chế phẩm sinh học để phun khử mùi từ hệ thống xử lý nước thải, mương thu gom nước thải, hồ gom phân, phun khử mùi không khí....

- Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên liệu, nhập và xuất heo thành phẩm: Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển là các nguồn không liên tục, phân tán, không thể tập trung để thu gom xử lý nên phần này chỉ đề xuất biện pháp chung góp phần tạo môi trường không khí trong khu vực dự án trong lành hơn, như:

+ Quy định các phương tiện vận chuyển chở đúng tải trọng quy định, chạy đúng tốc độ quy định, tắt máy trong khi chờ đợi hoặc tạm ngừng hoạt động.

+ Tất cả các phương tiện vận chuyển sử dụng cho hoạt động vận chuyển của trang trại phải được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu về mặt môi trường.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân của trang trại.

+ Phân bố lượng xe chuyên chở phù hợp, tránh ùn tắc, gây ô nhiễm khói, bụi cho khu vực.

+ Xây dựng đường giao thông nội bộ hoàn chỉnh để thuận tiện cho việc vận chuyển. Phun nước sân bãi, đường nội bộ vào mùa khô để giảm bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào khu vực trang trại.

- Giảm thiểu nguồn ô nhiễm khí thải từ lò đốt: Lò đốt được thiết kế đốt hai cấp: đốt sơ cấp và đốt thứ cấp. Bố trí bồn nước khử mùi và xây dựng ống khói có độ cao theo quy chuẩn (tối thiểu 20m) để đảm bảo khí thải lò đốt không ảnh hưởng đến môi trường, đặc biệt là dân cư xung quanh trang trại. Nước thải sẽ định kỳ thu gom về xử lý chung với nước thải chăn nuôi. Khí thải của lò đốt đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải

công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và QCVN 30:2012/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp, trước khi thải ra môi trường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng chứa rác có nắp đậy tại khu vực thi công để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định. Chất thải hữu cơ được chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực Dự án hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý; chất thải có thể tái chế được bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Chất thải rắn xây dựng: Đối với chất thải rắn là gỗ, ván cốt pha được thu gom và tái sử dụng lại, số bị hư hỏng, gãy nát được tận thu làm chất đốt. Các loại bao bì xi măng, bìa cotton sẽ được tận thu để bán phế liệu. Tận dụng lượng đất đào, phế thải trong xây dựng vào san lấp mặt bằng; phục vụ quá trình thi công, xây dựng.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy tại khu vực Dự án để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Sau khi thu gom thì tập kết tại nhà chứa rác. Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định. Chất thải hữu cơ được chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực Dự án hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý; chất thải có thể tái chế được bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Chất thải rắn chăn nuôi:

+ Phân heo: Thu được tại hồ tách phân khoảng 2,25 tấn/ngày. Phần lớn lượng phân tươi này được đưa vào hầm ủ với men vi sinh để làm thức ăn nuôi giun quế, một phần được ủ cùng bùn lắng trong các ao để bón cây. Xây dựng 01 hầm ủ phân (10x20 m) để ủ phân nuôi giun quế, 01 nhà để phân (3x4 m) lưu chứa phân sau ủ và 01 nhà nuôi giun quế (10x35 m).

+ Bùn đáy từ hệ thống xử lý nước thải: Khối lượng khoảng 6,07 kg/ngày. Lượng bùn này phát sinh tại hồ lắng 1, bể anoxic, bể aerotank, bể lắng 2, bể lắng thứ cấp, hồ chứa nước sau xử lý,... và hệ thống lọc nước tuần hoàn tái sử dụng. Toàn bộ lượng bùn này được định kỳ thu gom đưa đi ủ phân bón cho cây trồng.

+ Bao bì đựng cám hỗn hợp: Tận dụng lại để đựng phân sau khi ủ từ bùn, phân giun quế. Nếu dư thừa sẽ bán cho các hộ dân có nhu cầu để đựng nông sản.

+ Giấy làm mát tại dàn lạnh trước mỗi dãy chuồng: thu gom, lưu trữ trong nhà chứa rác để bán phế liệu.

+ Xác heo con chết, dị tật: Toàn bộ được thu gom đúng quy định, được thu gom đốt xác heo hoặc tiến hành chôn lấp tại hồ chôn xác heo chết đảm bảo theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Trong giai đoạn xây dựng

Dầu mỡ thải và các chất thải có yếu tố nguy hại khác được thu gom, lưu giữ trong các thùng chứa riêng (có nắp đậy, dán nhãn theo quy định) và bố trí kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại tại khu vực thi công. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Đối với chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt và chăm sóc thú y: Xây dựng 01 kho chứa (4x3 m) có diện tích 12 m² để lưu trữ chất thải nguy hại theo quy định. Trong kho bố trí các thùng chứa chuyên dụng để đựng chất thải nguy hại. Định kỳ sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển đi xử lý theo đúng các quy định hiện hành.

- Đối với xác heo chết do dịch bệnh: Áp dụng đúng biện pháp xử lý theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cục Thú y; tuân thủ quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trồng cây xanh, đảm bảo diện tích 84,13% và chăm sóc cây xanh trong khuôn viên trại chăn nuôi nhằm hạn chế tiếng ồn lan truyền ra khu vực xung quanh.

- Khu văn phòng làm việc, khu sinh hoạt của công nhân được bố trí cách xa khu vực chuồng nuôi để giảm thiểu ảnh hưởng tiếng kêu của heo.

- Kiểm tra thường xuyên và siết lại các ốc, vít bị lỏng, bảo dưỡng định kỳ các máy bơm, máy phát điện,... nhằm hạn chế các nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Máy phát điện được đặt trong 1 buồng kín để che nắng, che mưa và giảm thiểu tiếng ồn ra xung quanh trong khi hoạt động. Đồng thời, phải thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy, tránh tiêu hao nhiều nhiên liệu và tăng tiếng ồn, độ rung.

- Xe vận chuyển ra vào dự án phải tuân thủ các quy định về an toàn giao thông, kiểm định kỹ thuật,...

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, các công trình, biện pháp khác theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Chương trình quản lý

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Tổ chức thi công hợp lý hạn chế tối đa các ảnh hưởng đến môi trường.

- Yêu cầu đơn vị tham gia thi công phải có nội quy an toàn lao động, trang bị đủ phương tiện bảo hộ cho công nhân.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm chính và phối hợp với đơn vị thi công giải quyết các vấn đề về môi trường liên quan đến dự án trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án.



- Tổ chức quản lý, giám sát các hoạt động thi công xây dựng của dự án như; hoạt động san lấp mặt bằng, thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án, công tác vận tải,...đảm bảo an toàn môi trường trong suốt thời gian thi công.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Bố trí 01 nhân sự phụ trách quản lý việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức đào tạo về an toàn và môi trường; tuyên truyền, giáo dục, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường của Nhà nước cũng như những quy định của tỉnh về công tác bảo vệ môi trường.

- Giám sát hiệu suất xử lý hệ thống xử lý nước thải.

- Lập kế hoạch giám sát môi trường cho khu vực dự án.

- Xây dựng, thiết lập kế hoạch ứng cứu sự cố môi trường.

- Theo dõi, lưu trữ kết quả các hoạt động có liên quan đến an toàn môi trường của dự án, thường xuyên xem xét, kiểm tra lại hiệu quả của kế hoạch quản lý môi trường và chỉnh sửa lại kế hoạch khi cần thiết.

5.2. Chương trình giám sát môi trường

a) Trong giai đoạn triển khai xây dựng

* Giám sát chất thải rắn

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi).

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức, cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

* Giám sát khác

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong giai đoạn xây dựng Dự án.

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.

- Nội dung giám sát: giám sát an toàn sụt lún, sạt lở đất đá khi thi công công trình, giám sát tại những vị trí thi công có nguy cơ gây sạt lở để đảm bảo an toàn lao động trong suốt quá trình thi công xây dựng của dự án.

- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác có liên quan.

b) Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

Việc quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án phải tuân thủ theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

*** Giám sát nước thải**

- Tần suất quan trắc: Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải (khoảng tháng thứ 5 từ khi dự án bắt đầu hoạt động hoặc khi nước thải lấp đầy các công trình đơn vị của hệ thống xử lý nước thải) với tần suất quan trắc nước thải tối thiểu 15 ngày/lần.

- Vị trí quan trắc: Từng công đoạn xử lý nước thải; nước thải đầu vào và nước thải đầu ra của cả hệ thống xử lý nước thải, bao gồm:

+ Hồ thu nước thải đầu vào hệ thống xử lý;

+ Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý (hồ chứa nước thải sau xử lý).

- Thông số quan trắc: pH, BOD, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng Nitơ và Tổng Coliform.

Kết quả phân tích được dùng để đánh giá hiệu suất xử lý đối với từng công đoạn xử lý nước thải.

Đối với toàn bộ công trình xử lý nước thải

Tần suất quan trắc: Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh lấy mẫu theo từng công đoạn trên, với suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần.

Quy chuẩn so sánh đối với nước thải: QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi.

*** Giám sát chất thải rắn**

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi).

- Vị trí giám sát: Khu vực ủ phân và kho lưu chứa, nhà chứa rác.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải chăn nuôi thông thường.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải (theo nội dung, yêu cầu kỹ thuật đã cam kết).

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải rắn trước khi đưa ra ngoài Dự án phải được xử lý đảm bảo vệ sinh dịch tễ theo quy định hiện hành của thú y.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

*** Giám sát chất thải nguy hại**

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao chất thải cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Kho chứa chất thải nguy hại.
- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.
- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.
- * Giám sát nguy cơ về dịch bệnh
 - Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi).
 - Vị trí giám sát: Khu chuồng nuôi và khu vực tiêu hủy, chôn lấp heo chết thuộc khu vực Dự án.
 - Nội dung giám sát: Công tác phòng chống dịch bệnh, nguy cơ lan truyền bệnh; vệ sinh thú y và tiêu hủy heo bệnh.
 - Tuân thủ theo các quy định, quy chuẩn pháp luật hiện hành về chăn nuôi.
- * Giám sát khí thải lò đốt và khí biogas dư
 - Vị trí giám sát: Khu vực ống khói lò đốt.
 - Tần suất quan trắc: Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý khí thải ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm, với tần suất quan trắc nước thải tối thiểu 15 ngày/lần.
 - Các thông số lựa chọn để giám sát: Bụi tổng, CO, NO_x, SO₂, H₂S, NH₃, CH₄.
 - Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và QCVN 30:2012/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp trước khi thải ra môi trường.
- c) Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thương mại*
 - * Giám sát nước thải
 - Vị trí giám sát: Gồm 2 điểm:
 - + Hồ thu nước thải đầu vào hệ thống xử lý, tọa độ giám sát: X = 1374808; Y = 423995.
 - + Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý (hồ chứa nước thải sau xử lý), tọa độ giám sát: X = 1374772; Y = 423925.
 - Tần suất giám sát: 3 tháng/lần và liên tục khi có sự cố.
 - Thông giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, Nitơ, Coliform
 - Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B).
 - * Giám sát chất thải rắn



- Vị trí giám sát:
 - + Giám sát chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực ở và sinh hoạt của công nhân.
 - + Giám sát chất thải rắn thông thường xung quanh khu chuồng trại, nhà chứa phân.
- Tần suất giám sát: Giám sát liên tục hàng ngày.
- Thông số giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, biện pháp thu gom và xử lý của chất thải rắn sinh hoạt, giấy làm mát chuồng trại thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
 - * Giám sát chất thải nguy hại
 - Vị trí giám sát: Kho chứa chất thải nguy hại.
 - Tần suất giám sát: Giám sát liên tục hàng ngày.
 - Thông số giám sát: tiến hành giám sát về thành phần, khối lượng, biện pháp thu gom và xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
 - * Giám sát chất lượng không khí xung quanh
 - Vị trí giám sát: gồm 4 điểm:
 - + 1 điểm tại: Khu hành chính. Tọa độ giám sát: X=1374894; Y = 423908
 - + 1 điểm tại: Kho chứa chất thải nguy hại. Tọa độ giám sát: X=1374812; Y = 424012
 - + 1 điểm tại: Hồ tách phân. Tọa độ giám sát: X=1374810; Y = 424002
 - + 1 điểm tại: Nhà chứa phân. Tọa độ giám sát: X=1374799; Y = 424005
 - Thông số giám sát: Bụi tổng, tiếng ồn, CO, NOx, SO2, CH4.
 - Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
 - Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 06:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
 - * Giám sát Khí thải lò đốt
 - Vị trí giám sát: Khu vực ống khói lò đốt.
 - Tọa độ giám sát: X = 1374822; Y = 424011.
 - Tần suất khảo sát: Khi phải thực hiện đốt xác heo chết, thông báo đơn vị được lựa chọn thực hiện quan trắc trước thời gian thực hiện đốt xác heo để kịp thời lấy mẫu (lấy tối đa 1 mẫu cho 3 tháng).
 - Các thông số lựa chọn để giám sát: Bụi tổng, CO, NOx, SO2, H2S, NH3, CH4.
 - Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và QCVN 30:2012/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp trước khi thải ra môi trường.

* Giám sát chất lượng nước sinh hoạt, nước ngầm, nước chăn nuôi heo tưới cây ảnh hưởng đến nước ngầm

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi).

- Vị trí giám sát: 02 điểm;

+ 01 điểm tại Giếng khoan sử dụng cấp nước của trại. Tọa độ giám sát: X=1374772; Y = 424008

+ 01 điểm tại khu vực trồng cây tập trung phía bắc của trại. Tọa độ giám sát: X=1374946; Y = 423932

- Quy chuẩn so sánh: Áp dụng QCVN 01-1:2018/BYT; QCVN 09-MT:2015/BTNMT; QCVN 01-39:2011/BNNPTNT và các quy định khác.

- Giám sát đột xuất: khi có sự cố môi trường hoặc khi có ý kiến khiếu nại của người dân và chính quyền địa phương.

* Giám sát nguy cơ về dịch bệnh

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi).

- Vị trí giám sát: Khu chuồng nuôi và khu vực tiêu hủy, chôn lấp heo chết thuộc khu vực Dự án.

- Nội dung giám sát: Công tác phòng chống dịch bệnh, nguy cơ lan truyền bệnh; vệ sinh thú y và tiêu hủy heo bệnh.

- Tuân thủ theo các quy định, quy chuẩn pháp luật hiện hành về chăn nuôi.

* Giám sát số lượng bùn thải phát sinh trong từng công trình xử lý

- Giám sát khối lượng và thành phần, có trong bùn thải.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi).

- Vị trí giám sát: Khu vực hầm bùn chứa và hầm ủ phân từ bùn.

- So sánh với các quy định về kim loại nặng, chất độc hại, an toàn lao động.

- Giám sát đột xuất: khi có sự cố môi trường hoặc khi có ý kiến khiếu nại của người dân và chính quyền địa phương.

* Giám sát sự cố môi trường và các giám sát khác

- Nội dung giám sát: Nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước thải, nước mưa chảy tràn, hệ thống xử lý nước thải tập trung; sự cố sụt lún và sự cố môi trường có thể xảy ra; công tác phòng cháy, chữa cháy; an toàn điện; an toàn và vệ sinh lao động.

- Giám sát thường xuyên đối với các nguy cơ của hệ thống xử lý nước thải khi nước mưa tràn vào có thể gây quá tải, tràn nước thải ra ngoài, sự cố vỡ bờ hồ của các hạng mục xử lý...

- Giám sát sự cố cháy, nổ, mất an toàn tại hệ thống biogas; giám sát các thiết bị phục vụ cho vận hành hệ thống xử lý nước thải (máy thổi khí, máy khuấy, máy châm hóa chất..) và các biện pháp khắc phục kịp thời; giám sát các bệnh truyền lây từ động vật sang người.

- Báo cáo kịp thời đến cơ quan quản lý liên quan khi có các sự cố.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước, chăn nuôi. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thiết kế chi tiết và xây dựng các hạng mục công trình xử lý môi trường theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng; thực hiện hoàn chỉnh các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường và lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho Dự án trước khi vận hành thử nghiệm theo quy định pháp luật.

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Nước thải xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột B)
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi và các quy định có liên quan về môi trường và được lưu trữ, tuần hoàn và tái sử dụng cho các hoạt động tưới cây vào mùa khô, không thải ra môi trường bên ngoài Dự án.

Hồ sự cố chỉ được tích nước khi xảy ra sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án. Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp, đảm bảo giảm thiểu hiệu quả các tác động tiêu cực do chất thải và mùi hôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi.

- Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường, bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định. Thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường theo đúng các quy định của pháp luật Việt Nam khi xảy ra sự cố môi trường do triển khai dự án.

- Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra./.

